

Số: 3537/TB-BVTP

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 10 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc mời cung cấp báo giá để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư chuyên khoa mắt của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu ngày 29/11/2024; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý; Sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư chuyên khoa mắt của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (địa chỉ: phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh) trân trọng kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá các hàng hóa, dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

#### 1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, Phường Hồng Gai, Thành phố Quảng Ninh).

Mã số thuế: 5700391598.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: [kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com](mailto:kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com).

#### 2. Thời hạn và hình thức gửi báo giá.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm 2026. (Lưu ý: Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét).

- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 120 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- Hình thức gửi báo giá:
  - + Gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: bản mềm Báo giá (Excel, PDF), Catalog, Chứng nhận CE, FDA, CFS, các tài liệu liên quan... (PDF).
  - + Gửi bản gốc trực tiếp hoặc qua bưu điện: Gửi đồng thời 01 bản cứng có chữ ký, đóng dấu đỏ (đóng dấu giáp lai trong trường hợp báo giá có nhiều trang) của Người đại diện theo pháp luật. Gửi về địa chỉ Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh).

### 3. Nội dung yêu cầu báo giá.

- Danh mục mời báo giá: Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Thông báo này.
  - Báo giá được lập theo mẫu phụ lục II đính kèm Thông báo này.
  - Giá báo giá: đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác liên quan.
  - Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh.
  - Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.
- Bệnh viện kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế gửi báo giá để tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Trân trọng thông báo./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK. 



**Phụ lục I**  
**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN**

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 3537/TB - BVTP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh)

| STT | Tên hàng hóa                                                            | Đơn vị tính | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Khối lượng/<br>số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1   | Thủy tinh thể nhân tạo mềm 3 mảnh, đơn tiêu                             | Cái         | 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm 3 mảnh, đơn tiêu.<br>2. Chỉ số khúc xạ: $\geq 1.46$ .<br>3. Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 12$ mm.<br>4. Kích thước optic: $\geq 6$ mm.<br>5. Kích thước vết mổ: $\leq 3.0$ mm.<br>6. Dải công suất: Tối thiểu đáp ứng từ +6D đến +30 D.<br>7. Lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt nhân hoặc lắp sẵn trong súng hoặc không lắp sẵn kèm theo bộ dụng cụ đặt nhân.<br>8. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.                                                                                                      | 50                      |
| 2   | Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu lọc ánh sáng xanh hoặc ánh sáng tím | Cái         | 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm 1 mảnh, đơn tiêu.<br>2. Lọc ánh sáng xanh hoặc ánh sáng tím.<br>3. Chỉ số cầu sai: Từ - 0.27 $\mu$ m đến -0.1 $\mu$ m<br>4. Chỉ số khúc xạ: $\geq 1.46$ .<br>5. Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 12$ mm.<br>6. Kích thước optic: $\geq 6$ mm.<br>7. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4$ mm.<br>8. Dải công suất: Tối thiểu đáp ứng từ +6D đến +30 D.<br>9. Lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt nhân hoặc lắp sẵn trong súng hoặc không lắp sẵn kèm theo bộ dụng cụ đặt nhân.<br>10. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. | 1.900                   |
| 3   | Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu kéo dài tiêu cự                     | Cái         | 1. Thủy tinh thể nhân tạo, mềm, 1 mảnh, đơn tiêu kéo dài tiêu cự.<br>2. Lọc tia cực tím.<br>3. Chỉ số cầu sai: Từ - 0.27 $\mu$ m đến -0.1 $\mu$ m.<br>4. Chỉ số khúc xạ: $\geq 1.46$ .<br>5. Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 12$ mm.<br>6. Kích thước optic: $\geq 6$ mm.<br>7. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4$ mm.<br>8. Dải công suất: Tối thiểu đáp ứng từ +10D đến +30 D.<br>9. Lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt nhân hoặc lắp sẵn trong súng hoặc không lắp sẵn kèm theo bộ dụng cụ đặt nhân.<br>10. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. | 700                     |

| STT | Tên hàng hóa                       | Đơn vị tính | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Khối lượng/<br>số lượng |
|-----|------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 4   | Thủy tinh thể nhân tạo mềm đa tiêu | Cái         | 1. Thủy tinh thể nhân tạo, mềm, 1 mảnh, $\geq 3$ tiêu cự.<br>2. Chỉ số cầu sai: Từ - 0.27 $\mu$ m đến -0.1 $\mu$ m.<br>3. Chỉ số khúc xạ: $\geq 1.46$ .<br>4. Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 12$ mm.<br>5. Kích thước optic: $\geq 6$ mm.<br>6. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4$ mm.<br>7. Dải công suất: Tối thiểu đáp ứng từ + 10D đến +30D.<br>8. Lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt nhân hoặc lắp sẵn trong súng hoặc không lắp sẵn kèm theo bộ dụng cụ đặt nhân.<br>9. Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7. | 20                      |
| 5   | Miếng dán mi                       | Cái         | - Kích thước: $\geq 10$ cm x 10 cm.<br>- Tiết trùng.<br>Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3.500                   |
| 6   | Nhầy mô Phaco 1.4                  | Ống         | - Nồng độ (độ cô đặc): 1.4%.<br>- Dung tích: $\geq 1$ ml/1xilanh, có kèm kim bơm.<br>- Trọng lượng phân tử: $\geq 1$ triệu Daltons<br>- Độ PH: $\geq 6.0$ .<br>- Độ thẩm thấu: $\geq 250$ mOsm/kg.<br>Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.                                                                                                                                                                                                                                                                         | 900                     |
| 7   | Nhầy mô Phaco 2.0                  | Ống         | - Nồng độ (độ cô đặc): 2%.<br>- Dung tích: $\geq 2$ ml/1 xilanh, có kèm kim bơm 23G.<br>- Độ nhớt: $\geq 2.500$ mPas (cPs).<br>- Độ PH: $\geq 6.0$ .<br>- Độ thẩm thấu: $\geq 250$ mOsm/kg.<br>Chứng nhận CE (Conformite Europeenne) hoặc Chứng nhận FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu hoặc CFS (Certificate of Free Sale) G7.                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2.650                   |
| 8   | Chất nhuộm bao                     | Lọ          | Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật nhãn khoa.<br>- Dung dịch màu xanh (Trypan Blue).<br>- Dung tích: $\geq 1$ ml.<br>- Đóng gói vô trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 700                     |

| STT | Tên hàng hóa         | Đơn vị tính | Thông số kỹ thuật                                                                        | Khối lượng/<br>số lượng |
|-----|----------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 9   | Dao mổ phaco 15 độ   | Cái         | - Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, lưỡi dao 15 độ.<br>- Tiệt trùng.            | 2.650                   |
| 10  | Dao mổ Phaco 2.2mm   | Cái         | - Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, kích thước 2.2 mm.<br>- Tiệt trùng.         | 2.650                   |
| 11  | Dao phẫu thuật mổ mỡ | Cái         | - Chất liệu thép không gỉ<br>- Lưỡi dao 2 mặt vát.<br>- Kích thước $\geq 2.0\text{mm}$ . | 200                     |

**Phụ lục II**  
**BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ**  
(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 3537/TB - BVTP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty .....  
Địa chỉ liên hệ:.....  
Điện thoại DD.....  
Email: .....

**Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo thông báo số 3537/TB - BVTP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh)] thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau:

| STT<br>(1) | STT<br>Thông<br>báo mời<br>BG<br>(2) | Tên hàng<br>hoá<br>(3) | Tên thương mại,<br>ký, mã, nhãn<br>hiệu, model<br>(4) | Mã VTYT<br>(Theo QĐ 5086/QĐ-<br>BYT ngày 04/11/2021<br>hoặc theo TT 04<br>04/2017/TT-BYT ngày<br>14/04/2017)<br>(5) | Thông số<br>kỹ thuật<br>(6) | Số đăng ký<br>lưu hành<br>(7) | Đạt tiêu<br>chuẩn<br>(8) | Mã HS<br>(9) | Phân loại<br>TTBYT<br>(A,B,C,D)<br>(10) | Năm sx<br>(11) | Hãng/<br>nước chủ<br>sử hữu<br>(12) | Hãng/Nước<br>sản xuất<br>(13) | Xuất xứ<br>(14) | Quy cách<br>đóng gói<br>(15) | Đơn vị<br>tính<br>(16) | Số lượng<br>(17) | Đơn giá<br>( VND)<br>(18) | Thành tiền<br>( VNĐ)<br>(19) | Kết quả trúng thầu 12 tháng gần<br>nhất<br>(Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày<br>tháng năm/ đơn vị ra QĐ)<br>(20) |
|------------|--------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------|-----------------------------------------|----------------|-------------------------------------|-------------------------------|-----------------|------------------------------|------------------------|------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          |                                      |                        |                                                       |                                                                                                                     |                             |                               |                          |              |                                         |                |                                     |                               |                 |                              |                        |                  |                           |                              |                                                                                                            |
| 2          |                                      |                        |                                                       |                                                                                                                     |                             |                               |                          |              |                                         |                |                                     |                               |                 |                              |                        |                  |                           |                              |                                                                                                            |

**Ghi chú:**  
Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin.  
Đơn vị cung cấp kèm theo bản scan hợp đồng đã trúng thầu và/hoặc hóa đơn bán hàng trong vòng 12 tháng gần nhất kèm theo (nếu có).  
Đơn vị gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa, dịch vụ.  
Đối với máy móc, trang thiết bị có bảng kê khai thông số kỹ thuật mời báo giá và thông số kỹ thuật đáp ứng của đơn vị.

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”.

(19) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí, dụng cụ phụ trợ đi kèm đảm bảo thực hiện được kỹ thuật và dịch vụ liên quan (nếu có).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày].
3. Chúng tôi cam kết:
- Đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.
  - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
  - Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...  
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(ký tên, đóng dấu)